TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2022
"V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai,
2. Bà Võ Thị Điệp.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2022/QĐXX - ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 317/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hoàng M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn anh*** Phạm Hoàng M ***trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh M và chị H quen nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang; giấy chứng nhận kết hôn số 212, quyển số 02/2011 cấp ngày 07/12/2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Do cuộc sống và lo cho kinh tế gia đình nên anh M phải đi làm xa, vợ chồng phải sống xa nhau. Trong thời gian đó, chị H có qua lại, ăn ngủ với người đàn ông khác. Anh chấp nhận tha thứ, khuyên nhủ chị H suy nghĩ lại nhưng chị H vẫn bất chấp, không

chịu quay về. Chị H không quan tâm gì đến các con, cũng không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặc dù còn thương chị H, thương các con còn nhỏ nhưng chị H vẫn không suy nghĩ lại nên anh quyết định ly hôn. Nay anh M yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh M, chị H có 02 con chung: Phạm Hoàng Duy K, sinh ngày 28/5/2011; Phạm Hoàng Đức T, sinh ngày 29/11/2018. Hiện nay, các con đang chung sống với anh M. Khi ly hôn, anh M yêu cầu được nuôi 02 con chung là Phạm Hoàng Duy K, Phạm Hoàng Đức T; không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

*** Đối với bị đơn là chị** Trần Thị H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- CMND, sổ hộ khẩu (bản sao, chứng thực);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính, bản sao);
- 02 giấy khai sinh con chung (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Chị Trần Thị H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện C, Đồng Tháp. Hiện đang sinh sống: Ấp B, xã G, huyện C, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C. Tại phiên tòa ngày 14/9/2022 và ngày 29/9/2022, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Xét thấy anh M và chị H kết hôn, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 07/12/2011. Trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị H vẫn không sửa đổi. Thời gian qua dù anh M đã cố hàn gắng nhưng không thể hàn gắn tình cảm được, chị H vẫn không chịu về sinh sống cùng anh M. Xét thấy hôn nhân giữa anh Minh và chị H là hợp pháp, anh M yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, bởi vì: mâu thuẫn giữa anh M và chị H đã trầm trọng, không ai quan tâm nhau, chị H không chịu về sống chung với anh M, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Trong thời gian sống xa nhau, anh M có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay, anh Minh yêu cầu Tòa án giải quyết

cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H, xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng anh M, chị H có 02 con chung: Phạm Hoàng Duy K, sinh ngày 28/5/2011; Phạm Hoàng Đức T, sinh ngày 29/11/2018. Hiện nay, các con đang chung sống với anh M. Khi ly hôn, anh M yêu cầu được nuôi 02 con chung là Phạm Hoàng Duy K, Phạm Hoàng Đức T; không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện 02 con chung do anh M nuôi dưỡng, được chăm sóc chu đáo, đang phát triển tốt về thể chất và tinh thần; đối với con chung tên Phạm Hoàng Duy K có nguyện vọng sống với anh M, điều này phù hợp với yêu cầu của anh Minh. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống và tinh thần ổn định cho cháu K và T, nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh M được tiếp tục nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Hoàng M không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Trần Thị H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Án phí: Anh Phạm Hoàng M chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoàng M.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Hoàng M.

2. Về con chung: Anh phạm Hoàng M được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Phạm Hoàng Duy K, sinh ngày 28/5/2011; Phạm Hoàng Đức T, sinh ngày 29/11/2018. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh M không có yêu cầu.

Chị Trần Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Anh Phạm Hoàng M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009313 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trung Dũng